IV. ĐÒI HỎI CỦA THỰC TIỄN CÁCH MẠNG

1. Hoàn cảnh lịch sử trong nước

• Sau Cách mạng Tháng Tám (1945), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời:

• Lần đầu tiên, nhân dân Việt Nam giành được chính quyền, nhưng đất nước gặp muôn vàn khó khăn do thù trong giặc ngoài.

• Chính quyền cách mạng còn non trẻ, chưa được quốc tế công nhận rộng rãi.

• Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam (23/9/1945):

• Nhân dân ta phải bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đầy gian khổ, kéo dài.

• Đảng phải lãnh đạo nhân dân vừa kháng chiến vừa kiến quốc trong hoàn cảnh bị bao vây, cô lập.

• Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19/12/1946):

• Nhân dân Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ với phương châm “toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính”.

• Đảng cần có đường lối đúng đắn để tiếp tục lãnh đạo cách mạng trong điều kiện chiến tranh.

2. Sự cần thiết phải củng cố tổ chức lãnh đạo của Đảng

• Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo cách mạng nhưng hoạt động bí mật:

• Từ năm 1945, Đảng tuyên bố tự giải tán để tránh sự đàn áp của kẻ thù, nhưng thực chất vẫn hoạt động dưới danh nghĩa “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin”.

• Việc duy trì hoạt động trong bí mật hạn chế khả năng tập hợp lực lượng và mở rộng ảnh hưởng chính trị.

• Tình hình chiến trường đặt ra yêu cầu mới:

• Sau hơn 4 năm chiến đấu, cuộc kháng chiến đã có những bước tiến quan trọng, nhưng cũng gặp nhiều thách thức.

• Việc lãnh đạo kháng chiến đòi hỏi một tổ chức mạnh mẽ hơn, có đường lối rõ ràng và chính danh.

• Yêu cầu đặt ra đối với Đảng:

• Đảng cần công khai trở lại để lãnh đạo cách mạng một cách trực tiếp, mạnh mẽ hơn.

• Cần tập hợp lực lượng cách mạng, xây dựng một đảng Mácxít-Lêninnít vững chắc để lãnh đạo nhân dân.

⸻

V. TÌNH HÌNH QUỐC TẾ

1. Tình hình thế giới sau Chiến tranh Thế giới thứ hai

• Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc (1945), mở ra cục diện mới:

• Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc dần sụp đổ.

• Phong trào giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

• Sự hình thành hai phe đối lập:

• Phe Xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

• Phe Tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu, với chính sách chống cộng quyết liệt.

• Sự hỗ trợ của phe Xã hội chủ nghĩa:

• Liên Xô và Trung Quốc trở thành các trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

• Trung Quốc (năm 1949) giành chiến thắng trong cuộc Cách mạng vô sản, thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, tạo lợi thế lớn cho cách mạng Việt Nam.

• Nhiều nước Xã hội chủ nghĩa sẵn sàng hỗ trợ phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp tại Đông Dương.

2. Tác động đến cuộc kháng chiến ở Việt Nam

• Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào Đông Dương:

• Thực dân Pháp ngày càng lệ thuộc vào viện trợ quân sự, kinh tế của Mỹ.

• Mỹ muốn biến Đông Dương thành tiền đồn chống cộng ở Đông Nam Á, ra sức ủng hộ Pháp đàn áp cách mạng Việt Nam.

• Sự ủng hộ từ phe Xã hội chủ nghĩa:

• Liên Xô, Trung Quốc và các nước Xã hội chủ nghĩa khác công nhận chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

• Trung Quốc giúp Việt Nam mở rộng khu căn cứ, đào tạo cán bộ, tiếp tế vũ khí và lương thực.

• Cách mạng các nước láng giềng phát triển mạnh mẽ:

• Ở Lào và Campuchia, phong trào kháng chiến cũng diễn ra sôi nổi.

• Việt Nam có điều kiện củng cố và mở rộng mặt trận đoàn kết với Lào và Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

⸻

VI. NHU CẦU XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG

1. Củng cố tổ chức Đảng và phong trào cách mạng

• Đảng cần chính thức trở lại hoạt động công khai:

• Để lãnh đạo cuộc kháng chiến một cách trực tiếp, hiệu quả hơn.

• Để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

• Thành lập Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2/1951):

• Thay đổi tên gọi để phù hợp với điều kiện lịch sử và chiến lược đấu tranh.

• Thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân và tinh thần dân tộc.

2. Xây dựng lực lượng vũ trang và mở rộng căn cứ địa

• Quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng lớn mạnh:

• Các chiến dịch quân sự quy mô lớn đã được thực hiện thành công như chiến dịch Biên Giới (1950).

• Việt Nam dần chuyển sang thế chủ động trên chiến trường.

• Mở rộng các căn cứ địa kháng chiến:

• Việt Bắc tiếp tục được củng cố.

• Vùng tự do được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc kháng chiến.

3. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân

• Thành lập Mặt trận Liên Việt (1951):

• Tập hợp các giai cấp, tầng lớp nhân dân để tăng cường khối đại đoàn kết.

• Thu hút trí thức, công nhân, nông dân, tiểu thương cùng tham gia kháng chiến.

⸻

KẾT LUẬN

• Việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng vào tháng 2/1951 là một bước ngoặt quan trọng:

• Đáp ứng yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam.

• Củng cố tổ chức lãnh đạo, nâng cao vai trò của Đảng trong cuộc kháng chiến.

• Định hướng chiến lược rõ ràng trong bối cảnh quốc tế phức tạp.

• Đại hội lần thứ II đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Đảng Cộng sản Đông Dương, mở ra thời kỳ phát triển mới cho cách mạng Việt Nam.